TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104 /2020/DS-PT
Ngày 20 - 5 - 2020
V/v Tranh chấp hụi, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Ông Trương Minh Bạch – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLPT- DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hụi, vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 củaToà án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà D – sinh năm 1972;
Nơi cư trú: huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông T – sinh năm 1963;
Bà L – sinh năm 1968;
Cùng cư trú: huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Kim Lợi: Ông S – sinh năm 1963; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 24/11/2019)

Bà U – sinh năm 1963; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 24/11/2019).

- *Người kháng cáo*: Bà L là bị đơn.

Tại phiên tòa: Ông S, bà L, bà D có mặt; Bà U, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Lời trình bày của nguyên đơn*: Bà D là chủ hụi, vợ chồng ông T (ông T và bà L) là hụi viên. Ông T đứng tên trong các chân hụi là "Bảy T", quá trình tham gia góp hụi như sau:

Đối với hụi tháng:

Dây thứ nhất: Hụi 300.000 đồng, hụi tháng, 40 phần, ông T tham gia 03 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 30/6/2013âl (ngày 05/8/2013dl), ông Tùng Em bỏ lãi (kêu) 100.000đ, lĩnh hụi (hốt hụi) số tiền 7.650.000đ.

Khui hụi lần thứ hai ngày 29/7/2013âl (ngày 04/9/2013dl), ông T bỏ lãi 100.000đ, lĩnh hụi số tiền 7.850.000đ.

Khui hụi lần thứ ba ngày 30/8/2013âl (ngày 03/10/2013dl), ông T bỏ lãi 100.000đ lĩnh hụi số tiền 7.590.000đ. Dây hụi này đã mãn (ngày 20/9/2016âl), ông T góp hụi (đóng hụi chết) được 29 lần thì ngưng; Còn nợ 8 lần với số tiền 7.200.000đ = *(8 lần x 300.000đ x 3 phần)* nhưng có trả được 600.000đ (ngày 10/01/2015âl trả 200.000đ, ngày 10/9/2016âl trả 400.000đ) hiện còn nợ **6.600.000đ**.

Ngoài ra, trong dây hụi này vợ chồng ông T còn mượn 01 phần hụi, ngày 30/7/2013âl kêu lãi, lĩnh hụi được 11.850.000đ, góp hụi được 8.950.000đ còn nợ 2.900.000đ.

Dây thứ hai: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 48 phần, ông T tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 30/6/2013âl (ngày 05/8/2013dl) ông T bỏ lãi 100.000đ, lĩnh hụi số tiền 9.250.000đ. Dây hụi này đã mãn (ngày 10/5/2017âl), ông T góp hụi được 32 lần thì ngưng; Còn nợ 15 lần với số tiền **4.500.000đ** = *(15 lần x 300.000đ)*.

Ngoài ra, trong dây hụi này vợ chồng ông T có mượn 01 phần hụi bỏ lãi, lĩnh hụi số tiền 14.250.000đ đã thanh toán còn nợ 1.230.000đ.

Dây thứ ba: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 45 phần, ông T tham gia 02 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 05/9/2014âl (ngày 28/9/2014dl) ông T bỏ lãi 100.000đ, lĩnh hụi số tiền 8.650.000đ;

Khui hụi lần thứ hai ngày 05/9/2014âl (ngày 28/10/2014dl) ông T bỏ lãi 110.000đ, lĩnh hụi số tiền 8.750.000đ.

Dây hụi này đã mãn (ngày 15/3/2018âl), ông T góp hụi được 27 lần thì ngưng; Còn nợ 16 lần với số tiền 9.600.000đ = *(18 lần x 300.000đ x 2 phần)* nhưng trả được 800.000đ *(ngày 15/6/2016âl trả 300.000đ, ngày 15/7/2016âl trả 500.000đ)* hiện còn nợ **8.800.000đ**.

Cùng ngày 05/9/2014 ông T mượn ½ chân hụi 300.000 đồng (không nhớ mượn ở kì thứ mấy), còn nợ lại 6.675.000đ và tiền bà D bù hụi 1.443.000đ. Tổng nợ hụi mượn là 8.118.000đ.

Dây thứ tư: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 36 phần, ông T tham gia 01 phần, khui hụi lần thứ nhất ngày 15/9/2014âl (ngày 07/11/2014dl) ông T bỏ lãi 100.000đ, lĩnh hụi số tiền 8.650.000đ; Dây hụi này đã mãn (ngày 25/7/2017âl), ông T góp hụi

được 18 lần thì ngưng; Còn nợ 17 lần với số tiền 5.100.000đ = *(17 lần x 300.000đ)* nhưng có trả được 400.000đ *(ngày 25/8/2016âl trả 100.000đ, ngày 25/12/2016âl trả 300.000đ)* hiện còn nợ **4.700.000đ**.

Trong dây hụi này vợ chồng ông T mượn 01 chân hụi, chưa thanh toán. Còn nợ lại hụi 10.650.000đ và hụi bù 1.940.000đ. Tổng nợ nợ hụi là 12.590.000đ.

Dây thứ năm: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 35 phần, ông T tham gia 02 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 15/9/2014âl (ngày 07/11/2014dl) ông T bỏ lãi 100.000đ, lĩnh hụi số tiền 6.650.000đ;

Khui hụi lần thứ hai ngày 15/10/2014âl (ngày 06/12/2014dl) ông Tùng Em bỏ lãi 100.000đ, lĩnh hụi số tiền 6.750.000đ.

Dây hụi này đã mãn (ngày 25/6/2017âl), ông T góp hụi được 17 lần thì ngưng; Còn nợ 16 lần với số tiền 9.600.000đ = *(16 lần x 300.000đ x 2 phần)* nhưng ngày 25/11/2015âl trả được 500.000đ hiện còn nợ **9.100.000đ**.

Trong dây hụi này vợ chồng ông T mượn 01 chân hụi 300.000đ, chưa thanh toán. Còn nợ lại hụi 10.350.000đ và hụi bù 2.075.000đ. Tổng nợ nợ hụi là 11.175.000đ.

Dây thứ sáu: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 37 phần, ông T tham gia 02 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 10/8/2015âl (ngày 22/9/2015) ông T bỏ lãi 110.000đ, lĩnh hụi số tiền 6.690.000đ;

Khui hụi lần thứ hai ngày 10/9/2015âl (ngày 22/10/2015dl) ông Tùng Em bỏ lãi 80.000đ, lĩnh hụi số tiền 7.850.000đ.

Dây hụi này đã mãn (ngày 10/7/2018âl), ông T góp hụi được 06 lần thì ngưng; Còn nợ 29 lần với số tiền 17.400.000đ = *(29 lần x 300.000đ x 2 phần)* nhưng có trả được 2.995.000đ hiện còn nợ **14.405.000đ**.

Dây thứ bảy: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 37 phần, ông T tham gia 02 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 10/8/2015âl (ngày 22/9/2015dl) ông T bỏ lãi 110.000đ, lĩnh hụi số tiền 6.690.000đ;

Khui hụi lần thứ hai ngày 10/9/2015âl (ngày 22/10/2015dl) ông T bỏ lãi 80.000đ, lĩnh hụi số tiền 7.850.000đ.

Dây hụi này đã mãn (ngày 10/01/2019âl), ông T góp hụi được 06 lần thì ngưng; Còn nợ 29 lần với số tiền 17.400.000đ = *(29 lần x 300.000đ x 2 phần)* nhưng có trả được **2.205.000đ** hiện còn nợ **15.195.000đ**

Dây thứ tám: Hụi 500.000đ, hụi tháng, 31 phần, ông T tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 30/7/2016âl (ngày 30/9/2016dl) ông Tùng Em bỏ lãi 190.000đ, lĩnh hụi số tiền 9.050.000đ. Dây hụi này chưa mãn, tính đến ngày xét xử (27/11/2019dl) ông T góp còn nợ 24 lần với số tiền 12.000.000đ = *(24 lần x 500.000đ)* nhưng có trả được 1.100.000đ hiện còn nợ **10.900.000đ.**

Dây thứ chín: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 38 phần, ông T tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 20/02/2017âl (ngày 17/3/2017dl); Đến kỳ thứ hai ngày 20/4/2017âl (ngày 15/5/2017dl) ông T bỏ lãi 100.000đ, lĩnh hụi số tiền 7.450.000đ. Dây hụi này chưa mãn, tính đến ngày xét xử (27/11/2019dl) còn nợ 28

lần với số tiền 8.400.000đ, nhưng đã trả được 500.000đ, hiện còn nợ **7.900.000đ.** Những phần hụi chưa mãn nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả.

Dây thứ mười: Hụi 300.000đ, hụi tháng, 42 phần, ông T tham gia 01 phần. Khui hụi lần thứ nhất ngày 20/02/2017âl (ngày 17/3/2017dl), đến kỳ thứ hai ngày 20/4/2017âl (ngày 15/5/2017dl) ông T bỏ lãi 120.000đ, lĩnh hụi số tiền 7.470.000đ. Dây hụi này chưa mãn, ông T góp hụi tính đến ngày xét xử (27/11/2019dl) còn nợ 28 lần với số tiền 8.400.000đ nhưng đã trả được 500.000đ, hiện còn nợ **7.900.000đ.** Những phần hụi chưa mãn nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả.

Đối với hụi ngày:

Dây thứ nhứt: Hụi 20.000đ, 60 phần, ông T tham gia 4 phần. Mở hụi ngày 25/3/2014âl (ngày 24/4/2014dl) ông T bỏ lãi 2.000đ, lĩnh hụi 04 phần số tiền 4.250.000đ; Còn phải góp hụi [(4 phần x 20.000đ) x 59 ngày] = **4.720.000đ**.

Dây thứ hai: Hụi 20.000đ, 60 phần, ông T tham gia 5 phần. Mở hụi ngày 29/7/2014âl (ngày 24/8/2014dl) ông T bỏ lãi 2.000đ, lĩnh hụi 05 phần số tiền 5.310.000đ; Còn phải góp hụi [(5 phần x 20.000đ) x 59 ngày] = **5.900.000đ**.

Dây thứ ba: Hụi 20.000đ, ông T tham gia 05 phần. Mở hụi ngày 25/9/2014âl (ngày 18/10/2014dl) ông T bỏ lãi 2.000đ, lĩnh hụi 05 phần số tiền 5.310.000đ; Còn phải góp hụi [(5 phần x 20.000đ) x 59 ngày] = **5.900.000đ**.

Dây thứ tư: Hụi 20.000đ, ông T tham gia 05 phần. Mở hụi ngày 25/12/2014âl (ngày 13/02/2015dl) ông T bỏ lãi 2.000đ, lĩnh hụi 05 phần số tiền 5.310.000đ; Còn phải góp hụi [(5 phần x 20.000đ) x 59 ngày] = **5.900.000đ**.

Dây thứ năm: Hụi 20.000đ, ông T tham gia 4,5 phần. Mở hụi ngày 25/12/2015âl (ngày 3/02/2016dl) ông T bỏ lãi 2.000đ, lĩnh hụi 4,5 phần số tiền 4.779.000đ; Còn phải góp hụi [(4,5 phần x 20.000đ) x 59 ngày] = **5.310.000đ**.

Ngày 20/4/2015 bà L mượn của bà D 2.000.000đ, ông T và bà L mượn 05 phân vàng 24K đến nay chưa thanh toán. Ngày 30/12/2015 ông Ngô Tùng Em mượn 350.000đ.

Do ông T và bà L không góp hụi nên bà D phải xuất tiền ra để góp hụi thay cho ông T và bà L. Vì vậy, bà D yêu cầu ông T và bà Lợi có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi và số tiền – vàng đã mượn.

Bị đơn trình bày: Khoảng năm 2011, bà L trực tiếp tham gia chơi hụi với bà D hụi 300.000đ, hụi tháng, đã mãn và thanh toán xong với bà D. Từ năm 2011 cho đến nay ông T và bà L không có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ. Từ trước đến nay vợ chồng bà L không có vay tiền, vàng của bà D. Nay vợ chồng bà L không thống nhất theo yêu cầu của bà D đặt ra.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Buộc ông Tvà bà L có nghĩa vụ trả cho bà D 121.900.000 đồng tiền hụi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông T và bà L trả 36.013.000 đồng tiền mượn hụi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông T và bà L trả 2.350.000 đồng và 05 phân vàng 24K là tiền - vàng mượn.

Ông T và bà L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 6.095.000 đồng.

Bà D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 2.018.000 đồng.

Ngày 09/12/2019, bà L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 121.900.000 đồng tiền hụi.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bà D sửa giảm số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Áp dụng khoản 2 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự; Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 117.730.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà L là bị đơn trong vụ án; Đơn kháng cáo của bà L trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Bà L kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 121.900.000 đồng tiền hụi với căn cứ: Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện; Nhân chứng là người có quan hệ bà con nên không khách quan; Đã hết thời hiệu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn nợ tiền hụi của 10 dây hụi tháng và 05 dây hụi ngày. Mặc dù nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ trực tiếp là những giấy tờ, tài liệu có chữ ký, chữ viết của bị đơn về việc tham gia chơi hụi, hốt hụi, nợ tiền hụi nhưng nguyên đơn cung cấp được

chứng cứ gián tiếp là Sổ nguyên đơn tự ghi chép về việc mở hụi do nguyên đơn làm chủ vào thời điểm năm 2013 – 2017.

Xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng, tại các Sổ ghi chép việc mở hụi vào thời điểm năm 2013 – 2017 của nguyên đơn thể hiện có tên bị đơn (07 Tùng) tham gia chơi hụi trong các dây hụi mà nguyên đơn khởi kiện. Sổ ghi chép có ghi rỏ từng lần bị đơn hốt hụi, số tiền bỏ lãi, số tiền lĩnh hụi. Thông tin ghi chép này phù hợp với lời khai của nhiều nhân chứng là những người trực tiếp tham gia trong cùng dây hụi xác định bị đơn có tham gia chơi hụi và nghe nguyên đơn nói lại bị đơn có nợ hụi. Ngoài ra, còn có nhân chứng chứng kiến việc nguyên đơn đòi nợ hụi bị đơn do bị đơn không góp hụi (đóng hụi chết) cho nguyên đơn.

Đối với nhân chứng, qua xác minh những nhân chứng có nhân chứng có quan hệ bà con với nguyên đơn, có nhân chứng có quan hệ bà con với bị đơn, có nhân chứng không có quan hệ bà con với nguyên đơn hoặc bị đơn và các nhân chứng này không có mâu thuẫn gì với bị đơn. Song lời khai của tất cả các nhân chứng đều xác định bị đơn có cùng với nhận chứng tham gia chơi hụi tại các dây hụi mà nguyên đơn khởi kiện. Do đó, không có cơ sở để xác định lời khai của các nhân chứng là không khách quan.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà L xác định: Năm 2011 bà có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ nhưng các phần hụi bà tham gia đả mãn hụi và đã thanh toán xong. Bà L thừa nhận những lần tham gia chơi hụi này việc bà tham gia chơi hụi, hốt hụi (lĩnh hụi) bà cũng không có làm giấy tờ biên nhận cho bà D mà do bà D tự ghi chép.

Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện, thấy rằng: Trong 15 dây hụi, có 13 dây hụi đả mãn và 02 dây hụi chưa mãn. Trong 13 dây hụi mãn do nguyên đơn cho bị đơn khất nợ nhiều lần nên kéo dài thời gian trả nợ; Do đó, bị đơn cho rằng hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở.

Đối với dây hụi chưa mãn, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mà nguyên đơn đã choàng hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm; Còn lại những lần chưa đến kỳ bị đơn phải góp hụi (đóng hụi chết) thì nguyên đơn không khởi kiện nên Tòa án chỉ xem xét giải quyết phần nghĩa vụ phải góp hụi của bị đơn đã đến hạn là phù hợp.

Từ những cơ sở trên, xét thấy án sơ thẩm xác định bị đơn có tham gia chơi hụi của 10 dây hụi tháng và 05 dây hụi ngày do nguyên đơn làm chủ và còn nợ nguyên đơn là có căn cứ. Song, việc tính số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn của dây hụi thứ ba và dây hụi thứ tám và 05 dây hụi ngày có sai sót. Cụ thể: Dây hụi thứ ba bị đơn nợ 8.800.000 đồng chứ không phải 10.000.000 đồng; Dây hụi thứ tám bị đơn còn nợ 10.900.000 đồng chứ không phải 13.400.000 đồng; 05 dây hụi ngày bị đơn còn nợ 27.730.000 đồng chứ không phải 28.200.000 đồng như án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định lại số tiền bị đơn nợ ít hơn so với án sơ thẩm và đồng ý tính lại cho chính xác, đúng với thực tế số tiền bị đơn còn nợ; Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn tính giảm bớt số tiền

nguyên đơn nợ. Như vậy, tổng số tiền hụi bị đơn nợ nguyên đơn là 117.730.000 đồng, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Do đó, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

[3] Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Kim Lợi;

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn; Sửa 01 phần bản án dân sự sơ thẩm 53/2019/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Căn cứ Điều 471 – Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 và 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 29 – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: - Buộc ông Ngô T và bà L có nghĩa vụ trả cho bà D 117.730.000 đồng tiền hụi.

- Không chấp nhận khởi kiện của bà D về việc yêu cầu ông T và bà L trả 36.013.000 đồng tiền mượn hụi.

- Không chấp nhận khởi kiện của bà Dg về việc yêu cầu ông T và bà L trả 2.350.000 đồng và 05 phân vàng 24K là tiền - vàng mượn (vay không lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền 117.730.000 đồng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí: + Bà D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 2.018.000 đồng

+ Ông T và bà Lphải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5.886.000 đồng.

+ Bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010795 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, bà Lợi đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Miễn